

Số: /2023/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

THÔNG TƯ

**Quy định công tác thi đua, khen thưởng
ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 71, khoản 6 Điều 74, khoản 2 Điều 75, khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Ngành).

2. Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các Cục, Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Bộ), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch; các tập thể, cá nhân có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, của Ngành và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của Ngành.

Điều 2. Khối thi đua, Cụm thi đua

1. Hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Bộ trưởng) quyết định:

a) Thành lập các Khối thi đua gồm các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các Cụm thi đua gồm các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở căn cứ vào đặc điểm vị trí, chức năng, nhiệm vụ và tính chất công việc của cơ quan, đơn vị.

b) Công nhận Khối trưởng, Cụm trưởng, Phó Khối trưởng, Phó Cụm trưởng trên cơ sở đề nghị của các Khối thi đua, Cụm thi đua (sau đây gọi là Khối, Cụm thi đua).

2. Khối, Cụm thi đua có các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức phát động, ký kết giao ước thi đua, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Bộ phát động;

b) Đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua, xây dựng các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp triển khai phong trào thi đua, xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến trong Khối, Cụm thi đua;

c) Đánh giá, bình xét, suy tôn các tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc hoặc xuất sắc trong Khối, Cụm thi đua theo thứ tự từ cao xuống thấp và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ họp xét, trình Bộ trưởng tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xét, khen thưởng.

3. Khối trưởng, Cụm trưởng có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Khối, Cụm thi đua; chủ trì và kết luận các Hội nghị của Khối, Cụm thi đua; đề xuất khen thưởng theo quy định;

b) Lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể thuộc Khối, Cụm thi đua;

c) Lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng tặng bằng khen của Bộ trưởng cho các tập thể thuộc Cụm thi đua.

4. Phó Khối trưởng, Phó Cụm trưởng có trách nhiệm giúp Khối trưởng, Cụm trưởng triển khai các hoạt động của Khối, Cụm thi đua trong những trường hợp được ủy quyền hoặc được phân công. Phó Khối trưởng, Phó Cụm trưởng chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Khối trưởng, Cụm trưởng và trước pháp luật.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thành lập và quyết định tổ chức hoạt động của Khối thi đua các phòng, ban và tương đương (sau đây gọi là phòng) thuộc cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan, đơn vị có từ 03 phòng đến dưới 10 phòng thành lập 01 Khối thi đua;

b) Đối với cơ quan, đơn vị có từ 10 phòng trở lên thành lập 02 Khối thi đua.

Điều 3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp kết thúc năm công tác hoặc kết thúc năm học cho cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cấp có thẩm quyền cử tham gia các khóa học tập, đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian này được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân chuyển về Bộ công tác trong năm xét khen thưởng, cơ quan đề xuất bình xét khen thưởng cho cá nhân đó có trách nhiệm xin ý kiến nhận

xét của cơ quan nơi công tác trước khi chuyển về Bộ nếu cá nhân có thời gian công tác ở cơ quan đó từ 06 tháng trở lên.

5. Cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái thực hiện. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân điều động, biệt phái có trách nhiệm cho ý kiến nhận xét về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong thời gian được điều động, biệt phái.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có thời gian tuyển dụng hoặc đang làm hợp đồng lao động dưới 09 tháng;
- b) Nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Điều 4. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” được xét tặng vào dịp kết thúc năm công tác hoặc kết thúc năm học cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

3. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” là các tập thể tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm, Khối thi đua và phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ phát động, bao gồm:

- a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch;
- d) Phòng thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 5. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng vào dịp kết thúc năm công tác hoặc kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” bao gồm:

- a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- b) Phòng thuộc cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này.

Điều 6. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng vào dịp kết thúc năm công tác hoặc kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” là tập thể các phòng thuộc cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng

1. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt tiêu chuẩn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch hoặc lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua theo chuyên đề do Bộ phát động;

c) Cá nhân ngoài Ngành có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và được xét tặng hàng năm vào dịp kết thúc năm công tác của Bộ;

c) Tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch hoặc thành tích có tác dụng nêu gương trong Bộ, trong Ngành hoặc lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua theo chuyên đề do Bộ phát động;

d) Tập thể ngoài Ngành có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao và du lịch.

3. Trường hợp khác do Bộ trưởng quyết định.

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Cá nhân làm việc tại các cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lĩnh vực thuộc cơ quan, đơn vị quản lý;

b) Cá nhân có nhiều thành tích tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch hoặc lập thành tích được bình xét trong các đợt thi đua theo chuyên đề do Bộ hoặc cơ quan, đơn vị phát động;

c) Cá nhân ngoài Ngành có thành tích xuất sắc có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị hoặc chuyên ngành quản lý về văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;

b) Tập thể có nhiều thành tích tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch hoặc thành tích có tác dụng nêu gương trong Bộ, trong Ngành hoặc lập thành tích được bình xét trong các đợt thi đua theo chuyên đề do Bộ hoặc cơ quan, đơn vị phát động;

c) Tập thể ngoài Ngành có thành tích đột xuất đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị hoặc chuyên ngành quản lý về văn hóa, thể thao và du lịch.

3. Trường hợp khác do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

Điều 9. Tên gọi và đối tượng tặng Kỷ niệm chương của Bộ

1. Tên gọi Kỷ niệm chương

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng do Bộ trưởng tặng nhằm ghi nhận, động viên đối với cá nhân có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Ngành. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần.

2. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương

a) Cá nhân công tác trong Ngành tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cá nhân ngoài Ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao và du lịch;

c) Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của Việt Nam;

d) Cá nhân tự ý bỏ việc, bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc bị kết tội bằng bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật không được xét tặng Kỷ niệm chương;

đ) Cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ, chưa được xét tặng Kỷ niệm chương;

e) Cá nhân có đủ thời gian công tác theo quy định nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 02 năm tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân đã và đang công tác trong Ngành được xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam và 15 năm công tác trở lên đối với nữ (bao gồm cả thời gian được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự).

2. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn so với quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân có thời gian công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,3 để tính thời gian công tác trong Ngành;

b) Diễn viên múa, diễn viên xiếc, vận động viên đội tuyển thể thao quốc gia được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 05 năm so với quy định;

c) Cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, các tác giả có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định tặng danh hiệu hoặc giải thưởng này.

3. Cá nhân công tác ngoài Ngành được xét tặng Kỷ niệm chương khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đảm nhiệm chức vụ quản lý (hệ số phụ cấp 0,7 trở lên) từ đủ 05 năm và có nhiều đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần vào sự phát triển của Ngành;

b) Chủ trì hoặc tham gia chính công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và nghiệm thu xếp loại đạt trở lên, được ứng dụng hiệu quả, có giá trị thiết thực phục vụ cho sự nghiệp của Ngành;

c) Có đóng góp tích cực vào việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu hoặc có đóng góp lớn về cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính, phục vụ cho sự nghiệp của Ngành.

4. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của Việt Nam.

5. Trường hợp khác do Bộ trưởng quyết định.

Điều 11. Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng gồm 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ khen thưởng, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 07/2019/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT của Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, TCCB (3). NH.200.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng